

HỒ SƠ THẨM ĐỊNH GIÁ
XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM CỔ PHẦN
KHI BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
Tại Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang
Thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023



Được lập bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
Tầng 11 toà nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 024 6267 0491 Fax: 024 6267 0494

MỤC LỤC
TT

Nội dung

Trang

- (1) Chứng thư thẩm định giá
- (2) Báo cáo thẩm định giá

2 – 4
5 – 8

Số 031/2025/03/CT-ĐG/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số 0201-01-24/HĐ-ĐG/VAE ngày 02/01/2024 ký giữa Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam V/v Xác định giá trị đơn vị sự nghiệp và giá khởi điểm cổ phần khi bán cổ phần lần đầu.
- Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt và công bố giá trị đơn vị sự nghiệp; giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe thời điểm ngày 31/12/2023.
- Căn cứ Báo cáo thẩm định giá số 031/2024/03/BC-ĐG/VAE ngày 24/02/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam cung cấp Chứng thư thẩm định giá số 031/2025/03/CT-ĐG/VAE ngày 24/02/2025 với các nội dung sau đây:

1. Khách hàng thẩm định giá

- Tên khách hàng: Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang
- Địa chỉ: Tổ 17, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 0207 3870 829
- Người đại diện: Ông **Lê Trung Dũng** Chức vụ: Giám đốc.

2. Thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

3. Thông tin về tài sản thẩm định giá:

Giá khởi điểm cổ phần khi bán cổ phần lần đầu của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang.

4. Mục đích thẩm định giá:

Làm một trong các căn cứ xây dựng phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thời điểm thẩm định giá: Ngày 31/12/2023.

6. Cơ sở giá trị thẩm định giá:

Giá trị thị trường làm cơ sở cho thẩm định giá (*Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về cơ sở giá trị thẩm định giá*).

7. Giả thiết và giả thiết đặc biệt:

Căn cứ vào tài liệu do đơn vị cung cấp, thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, mục đích thẩm định giá và quy định của pháp luật, thẩm định viên đưa ra nhận định (*giả thiết*) về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp cần thẩm định giá sau thời điểm thẩm định giá là doanh nghiệp hoạt động liên tục.

8. Cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá:

- *Cách tiếp cận từ chi phí*: Giá trị doanh nghiệp được xác định thông qua giá trị các tài sản của doanh nghiệp. Phương pháp được sử dụng trong cách tiếp cận từ chi phí để xác định giá trị doanh nghiệp là phương pháp tài sản.
- *Cách tiếp cận từ thu nhập – phương pháp chiết khấu dòng cổ tức*: Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua ước tính tổng của giá trị chiết khấu dòng cổ tức của doanh nghiệp thẩm định giá.

9. Giá trị tài sản thẩm định giá:

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang cung cấp; Qua khảo sát, tìm hiểu thông tin thị trường tại thời điểm thẩm định giá; Sử dụng phương pháp thẩm định trong tính toán; Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam thông báo kết quả thẩm định giá như sau:

- Giá khởi điểm cổ phần khi chào bán cổ phần lần đầu của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang là: **10.000 đồng/ 1 cổ phần.**

(Chi tiết tại Báo cáo số 031/2025/03/BC-ĐG/VAE ngày 24/02/2025 kèm theo)

10. Những điều khoản loại trừ và hạn chế kết quả thẩm định giá:

- Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong các căn cứ xây dựng phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chứng thư thẩm định giá cần được đọc kèm với Báo cáo số 031/2025/03/BC-ĐG/VAE ngày 24/02/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định

giá Việt Nam phát hành. Kết quả thẩm định giá bị hạn chế bởi những hạn chế trong Báo cáo số 031/2024/03/BC-ĐG/VAE ngày 24/02/2025.

- Thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá là 06 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành của Chứng thư thẩm định giá.
- Chứng thư thẩm định giá được phát hành 08 (tám) bản chính. Cấp cho khách hàng 07 (bảy) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam lưu 01 (một) bản.

Thẩm định viên về giá



Lương Sơn Hà
(Thẻ TĐV số VIII1.522)

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**
Phó Tổng giám đốc
Giám đốc Định giá



Bùi Trần Việt
(Thẻ TĐV số III06.140)

Số: 031/2025/03/BC-ĐG/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 031/2025/03/CT-ĐG/VAE ngày 24/02/2025)

1. Các thông tin về Doanh nghiệp thẩm định giá

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 031/TĐG cấp lần đầu ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính, cấp lại lần 1 ngày 15/10/2024.
- Thông báo số 1271/TB-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính về việc công bố danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá từ ngày 01/01/2025 tại các doanh nghiệp thẩm định giá.
- Thẩm định viên thực hiện thẩm định giá: Ông Lương Sơn Hà, thẻ thẩm định viên về giá số VII11.522.
- Người được Ủy quyền ký chứng thư thẩm định giá và xem xét, phê duyệt Báo cáo thẩm định giá: Ông Bùi Trần Việt - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc định giá, thẻ thẩm định viên về giá số III06.140.

2. Các thông tin cơ bản về cuộc thẩm định giá

a. Thông tin về khách hàng thẩm định giá

- Tên khách hàng: Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang
- Địa chỉ: Tổ 17, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

b. Tài sản thẩm định giá

Giá khởi điểm cổ phần khi bán cổ phần lần đầu của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang.

c. Mục đích thẩm định giá

Làm một trong các căn cứ xây dựng phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Cơ sở giá trị thẩm định giá:

Giá trị thị trường làm cơ sở cho thẩm định giá (Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về cơ sở giá trị thẩm định giá).

e. Thời điểm thẩm định giá

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023.

f. Địa điểm của tài sản thẩm định giá

Tổ 17, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

g. Thời điểm tiến hành khảo sát tài sản thẩm định giá

Tháng 03 năm 2024

h. Nguồn thông tin sử dụng trong quá trình thẩm định giá

- Hồ sơ tài liệu do Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang cung cấp.
- Phương tiện thông tin đại chúng (*mạng internet*), phỏng vấn trực tiếp, qua điện thoại đã được xem xét và đánh giá

i. Căn cứ pháp lý để thẩm định giá

- Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 111/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 26/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt và công bố giá trị đơn vị sự nghiệp, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023;
- Báo cáo tình hình tài chính của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang theo khuôn mẫu của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2023;
- Biên bản xác định giá trị đơn vị sự nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang số 1212-24/BB-ĐG/VAE ngày 12/12/2024.
- Các Chuẩn mực Thẩm định giá Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.
- Kết quả khảo sát thị trường liên quan đến tài sản thẩm định giá;
- Căn cứ các tài liệu có liên quan khác.

3. Thông tin về tài sản thẩm định giá

Giá khởi điểm cổ phần khi bán cổ phần lần đầu của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang.

4. Giả thiết và giả thiết đặc biệt:

Căn cứ vào tài liệu do đơn vị cung cấp, thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, mục đích thẩm định giá và quy định của pháp luật, thẩm định viên đưa ra nhận định (*giả thiết*) về tình

trạng hoạt động của doanh nghiệp cần thẩm định giá sau thời điểm thẩm định giá là doanh nghiệp hoạt động liên tục.

5. Cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá

- Cách tiếp cận từ chi phí: *Giá trị doanh nghiệp được xác định thông qua giá trị các tài sản của doanh nghiệp. Phương pháp được sử dụng trong cách tiếp cận từ chi phí để xác định giá trị doanh nghiệp là phương pháp tài sản.*
- Cách tiếp cận từ thu nhập – phương pháp chiết khấu dòng cổ tức: *Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua ước tính tổng của giá trị chiết khấu dòng cổ tức của doanh nghiệp thẩm định giá.*

6. Giá trị tài sản thẩm định giá

a. Nguyên tắc xác định giá khởi điểm cổ phần

Giá khởi điểm cổ phần là mức giá ban đầu thấp nhất của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cơ quan có thẩm quyền quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá một cổ phần (10.000 đồng Việt Nam). Việc xác định giá khởi điểm đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đã được xác định lại giá trị do cơ quan có thẩm quyền công bố.

Giá khởi điểm cổ phần bằng (=) giá trị thực tế phần vốn nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền công bố chia cho (:) giá trị thực tế phần vốn nhà nước theo Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị theo khuôn mẫu của doanh nghiệp nhân với (x) 10.000 đồng Việt Nam

b. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền công bố

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang đã được phê duyệt tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt và công bố giá trị đơn vị sự nghiệp, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 17.990.870.000 đồng.

c. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước theo Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị theo khuôn mẫu của doanh nghiệp

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước theo Báo cáo tình hình tài chính của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang theo khuôn mẫu của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 17.990.870.000 đồng.

d. Giá khởi điểm cổ phần

Giá khởi điểm cổ phần của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang bằng:
17.990.870.000 đồng/ 17.990.870.000 đồng x 10.000 đồng = 10.000 đồng/1 cổ phần

7. Thời hạn có hiệu lực của báo cáo thẩm định giá

Thời hạn có hiệu lực của báo cáo thẩm định giá là 06 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành Báo cáo thẩm định giá.

8. Những điều khoản loại trừ và hạn chế

- Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong các căn cứ xây dựng phương án cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chứng thư thẩm định giá cần được đọc kèm với Báo cáo số 031/2025/03/BC-ĐG/VAE ngày 24/02/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành. Kết quả thẩm định giá bị hạn chế bởi những hạn chế trong Báo cáo số 031/2024/03/BC-ĐG/VAE ngày 24/02/2025.
- Báo cáo kết quả thẩm định giá phát hành 08 (tám) bản chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 (một) bản, khách hàng thẩm định giá giữ 07 (bảy) bản có giá trị như nhau.

Thẩm định viên về giá



Lương Sơn Hà
(Thẻ TĐV số VIII1.522)

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**
Phó Tổng giám đốc
Giám đốc Định giá



Bùi Trần Việt
(Thẻ TĐV số III06.140)

Số: 571/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt và công bố giá trị đơn vị sự nghiệp;
giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe
thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Điều 21, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 17/2024/QĐ-TTg ngày 25/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Căn cứ Thông tư số 111/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Văn bản số 291/TTg-ĐMDN ngày 01/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc danh mục đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chuyển thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập tại Tờ trình số 540/TTr-BCĐ ngày 25/12/2024 về việc đề nghị phê duyệt, công bố giá trị đơn vị sự nghiệp; giá trị thực tế phần vốn nhà nước của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe tại thời điểm ngày 31/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố giá trị đơn vị sự nghiệp; giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe, thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, như sau:

1. Giá trị thực tế đơn vị sự nghiệp công lập là: 22.077.630.459 đồng (*Hai mươi hai tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng*).

2. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập là: 17.990.872.282 đồng, làm tròn theo mệnh giá cổ phần là 17.990.870.000 đồng (*Mười bảy tỷ chín trăm chín mươi triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Tài sản chờ thanh lý không tính vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện cổ phần hóa:

Nguyên giá theo sổ sách kế toán: 762.330.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*). Giá trị còn lại: 0 đồng (*không đồng*). Cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Phương tiện vận tải	749.490.000	0
1	Ô tô con Mekong star (22A-064.22)	266.000.000	0
2	Ô tô con Mekong star (22A-063.11)	295.500.000	0
3	Ô tô tải thùng Toyota Hiace (22A-000.29)	129.750.000	0
4	Ô tô con UAZ (22C-0032)	58.240.000	0
II	Máy móc thiết bị	12.840.000	0
1	Ipad Gen 6 32G Gray	12.840.000	
	Tổng cộng	762.330.000	0

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang có trách nhiệm:

a) Thực hiện thanh lý tài sản tại khoản 3, Điều 1 theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

b) Căn cứ giá trị đơn vị sự nghiệp công lập được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thực hiện xây dựng Phương án chuyển đổi và các nội dung công việc khác theo quy định tại Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ.

2. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe trong quá trình tổ chức thực hiện nội dung tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

3. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tính trung thực, chính xác của số liệu trình phê duyệt tại Tờ trình số 540/TTr-BCĐ ngày 25/12/2024 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập; Giám đốc Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; (Báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Giang

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Tình hình tài chính	4 - 5
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	6 - 15

TRUNG TÂM DẠY NGHỀ - SÁT HẠCH LÁI XE TUYÊN QUANG
Tổ 17, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Trung tâm .

Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch Lái xe Tuyên Quang có trụ sở tại Tổ 17, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang. Trung tâm được thành lập theo Quyết định số: 65/QĐ-UBND ngày 04/8/2005 của UBND tỉnh Tuyên Quang; có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang để giao dịch. Trung tâm dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tuyên Quang, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5000270929 ngày 05/02/2007

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Trung tâm trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc Ông Lê Trung Dũng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Trung tâm trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Trung Dũng - Giám đốc Trung tâm.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch Lái xe Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là “Đơn vị”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Đơn vị cho giai đoạn xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập đến ngày được phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2023

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Đơn vị trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Đơn vị sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

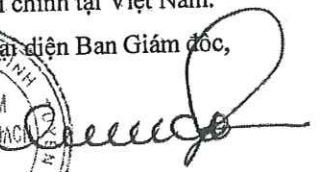
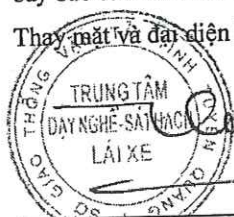
Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Đơn vị, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Đơn vị và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Đơn vị xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 04 đến trang 15. Tình hình tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch Lái xe Tuyên Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Lê Trung Dũng
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Tên đơn vị cấp trên: Sở Giao thông Vận tải Tuyên Quang
Đơn vị Báo cáo: Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch Lái xe
Tuyên Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm Xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Số báo cáo	Ghi chú
A	B	1	C
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN Mã số 100 = 110+120+130+140+150	100	2.523.585.806	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền Mã số 110 = 111+112	110	297.669.486	
1. Tiền	111	297.669.486	V.1
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn Mã số 120 = 121+123	120		
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn Mã số 130 = 131+132+136+139	130	1.118.792.972	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	124.586.000	V.2
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	994.206.972	V.4
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho Mã số 140 = Mã số 141	140	471.630.000	
1. Hàng tồn kho	141	471.630.000	V.5
V. Tài sản ngắn hạn khác Mã số 150 = 151+152+153+155	150	635.493.348	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	635.493.348	V.3
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		
4. Tài sản ngắn hạn khác			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN Mã số 200 = 210+220+240+250+260	200	20.316.372.371	
I. Các khoản phải thu dài hạn Mã số 210 = 211+212+216	210		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Phải thu dài hạn khác	216		

BÁO CÁO

Tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm Xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm 31/12/2023

II. Tài sản cố định	220	20.316.372.371	V.6
Mã số 220 = 221+227			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	20.298.372.371	
2. Tài sản cố định vô hình	227	18.000.000	
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		
Mã số 240 = Mã số 242			
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		
Mã số 250 = 252+253+255			
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
V. Tài sản dài hạn khác	260		
Mã số 260 = 261+263+268			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
3. Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	22.839.958.177	

BÁO CÁO

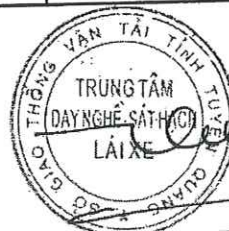
Tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm Xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập
Tại thời điểm 31/12/2023

C - NỢ PHẢI TRẢ Mã số 300 = 310+330	300	4.849.088.177	
I. Nợ ngắn hạn Mã số 310 = 311+312+313+314+ 318+319+320+322	310	4.849.088.177	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	874.476.000	V.7
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	875.694.661	V.8
4. Phải trả người lao động	314		
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	762.330.000	V.9
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	2.239.678.439	V.10
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	96.909.077	
II. Nợ dài hạn Mã số 330 = 331+332+336+337+338	330		
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
4. Phải trả dài hạn khác	337		
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU Mã số 400 = Mã số 410	400	17.990.870.000	V.11
I. Vốn chủ sở hữu Mã số 410 = 411+414+417	410	17.990.870.000	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17.990.870.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	22.839.958.177	

Trần Thị Thu Lan
Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan
Kế toán trưởng

Lê Trung Dũng
Giám đốc
Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2025



Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch Lái xe Tuyên Quang có trụ sở tại Tổ 17, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang. Trung tâm được thành lập theo Quyết định số: 65/QĐ-UBND ngày 04/8/2005 của UBND tỉnh Tuyên Quang; có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang để giao dịch. Trung tâm dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tuyên Quang.

Tên cơ quan cấp trên trực tiếp: Sở Giao thông Vận tải

Loại hình đơn vị:

01. Đơn vị SNCL tự chủ chi thường xuyên và đầu tư
02. Đơn vị SNCL tự chủ chi thường xuyên
03. Đơn vị SNCL tự chủ một phần chi thường xuyên
04. Đơn vị SNCL do NSNN cấp kinh phí
05. Đơn vị hành chính được giao tự chủ kinh phí
06. Đơn vị hành chính không được giao tự chủ kinh phí

Quyết định giao tự chủ tài chính số: 391/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Trung tâm dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang có trụ sở chính tại Tổ 17, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Trung tâm:

- ❖ Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị: Dạy nghề lái xe chuyên dụng lĩnh vực vận tải, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để phục vụ công tác sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đối với ô tô, mô tô và thực hiện các dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, khả năng của Trung tâm theo quy định của pháp luật. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, chịu sự quản lý toàn diện, trực tiếp của Sở Giao thông vận tải, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải. Xây dựng kế hoạch chương trình và thực hiện dạy nghề lái xe chuyên dụng lĩnh vực vận tải, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ hạng A1 đến hạng C.
- ❖ Tổ chức phục vụ các kỳ sát hạch lái xe mô tô, ô tô; Xây dựng phương án và thu giá dịch vụ đào tạo, sát hạch, dịch vụ thuê xe, sân tập lái; Cung cấp dịch vụ cho học viên học lái xe, phương tiện ra vào Trung tâm và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật; Quản lý bộ máy nhân sự tài chính, tài sản của Trung tâm; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở giao thông vận tải giao và theo quy định hiện hành.

2. Biên chế

Số lượng nhân viên theo biên chế của Trung tâm dạy nghề - Sát hạch lái xe Tuyên Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 73 người.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của đơn vị được thực hiện trong thời gian không quá mười hai tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Đơn vị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán trong năm tài chính 2023 được trình bày mang tính so sánh.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Tổ chức công tác kế toán tại đơn vị được lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính được chuyển đổi theo thông tư số 26/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021;

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;
- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Thời gian Khấu hao chi tiết như sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa vật kiến trúc

Máy móc, thiết bị

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

Vật dụng quản lý

Thời gian sử dụng

5- 50 năm

3 -15 năm

6 - 10 năm

3 - 10 năm

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa lớn;

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn, các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu vốn khác của chủ sở hữu: Theo thực góp của các thành viên góp vốn

+ **Vốn khác:** Theo đánh giá xác định giá trị doanh nghiệp

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế GTGT, Thuế TNDN.

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)
- Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế khác
- Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023
	VND
Tiền mặt	124.772.803
Tiền gửi ngân hàng	172.896.683
Cộng	297.669.486

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023
	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	124.586.000
Sở Giao thông vận tải Tuyên Quang	105.966.000
Trung tâm đào tạo lái xe Tâm Anh	18.620.000
Khác	-
Cộng	124.586.000

3. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023
	VND
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	635.493.348
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	635.493.348
b) Dài hạn	-
Cộng	635.493.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

4. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023
	VND
Công ty TNHH Kiểm toán và ĐG Việt Nam	49.500.000
Phải thu do chi thừa quỹ bổ sung thu nhập	328.941.229
Phải thu do chi thừa quỹ phúc lợi	615.765.743
Cộng	994.206.972

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023
	VND
	Giá gốc
	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	471.630.000
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	471.630.000

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản chờ thanh lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2023	11.413.178.816	4.788.883.950	21.281.954.682		37.484.017.448
Điều chỉnh					
XĐ GTDN	9.108.212.774	-	-	762.330.000	9.870.542.774
Sau khi XDGTGT	20.521.391.590	4.788.883.950	21.281.954.682	762.330.000	37.484.017.448
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Điều chỉnh					
XĐ GTDN	11.528.305.208	2.325.173.086	13.202.709.557		27.056.187.852
Sau khi XDGTGT	11.528.305.208	2.325.173.086	13.202.709.557	-	27.056.187.852
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Sau khi XDGTGT	8.993.086.382	2.463.710.864	8.079.245.125	762.330.000	20.298.372.371

7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023
	VND
Công ty TNHH Thành Hưng	402.846.000
Petrolimex - Cửa hàng 03	471.630.000
Cộng	874.476.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	
	VND	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	203.791.750	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	638.682.911	
Thuế khác	33.220.000	
Cộng	875.694.661	

9. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	
	VND	
Tài sản thừa chờ thanh lý		
Ô tô con Mekong star (22A-064.22)	266.000.000	
Ô tô con Mekong star (22A-063.11)	295.500.000	
Ô tô tải thùng Toyota Hiace (22A-000.29)	129.750.000	
Ô tô con UAZ (22C-0032)	58.240.000	
Ipad Gen 6 32G Gray	12.840.000	
Cộng	762.330.000	-

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2023	
	VND	
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang	1.610.000.000	
Huy động vốn của cán bộ viên chức, NLĐ	629.678.439	
Cộng	2.239.678.439	-

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản	Cộng
Kỳ trước chuyển qua	2.631.645.875	-	2.631.645.875
Kết quả XĐ GTDN		15.359.224.125	15.359.224.125
Điều chỉnh XĐ GTDN	15.359.224.125	(15.359.224.125)	-
Số dư tại 31/12/2023	17.990.870.000	-	17.990.870.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	
	VND	
Vốn góp của Nhà nước	17.990.870.000	
Cộng	17.990.870.000	

Thông tin về vốn chủ sở hữu

Theo quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã Quyết định phê duyệt và công bố giá trị đơn vị sự nghiệp; giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch Lái xe Tuyên Quang thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 17.990.870.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

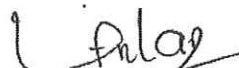
VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

TT	Chi tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	6.718.404.052	22.077.630.459	15.359.226.408
I	Tài sản dài hạn	4.635.799.583	19.554.042.370	14.918.242.788
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Tài sản cố định	4.635.799.583	19.554.042.370	14.918.242.788
-	TSCĐ hữu hình	4.617.799.583	19.536.042.370	14.918.242.788
	Nhà, vật kiến trúc	364.059.057	8.993.086.382	8.629.027.325
	Máy móc thiết bị	1.408.651.487	2.463.710.864	1.055.059.377
	Phương tiện vận tải	2.845.089.039	8.079.245.125	5.234.156.086
-	TSCĐ vô hình	18.000.000	18.000.000	-
II	Tài sản ngắn hạn	2.082.604.469	2.523.588.089	440.983.620
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	297.669.486	297.669.486	-
-	Tiền mặt tồn quỹ	124.772.803	124.772.803	-
-	Tiền gửi ngân hàng	172.896.683	172.896.683	-
2	Các khoản phải thu	1.313.304.983	1.754.288.603	440.983.620
3	Hàng tồn kho	471.630.000	471.630.000	-
E	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP (A + B + C + D)	6.718.404.052	22.077.630.459	15.359.226.408
	Trong đó:			
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP (Mục A)	6.718.404.052	22.077.630.459	15.359.226.408
E1	Nợ thực tế phải trả	3.989.849.100	3.989.849.100	-
E2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	96.909.077	96.909.077	-
G	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP [A - E1-E2]	2.631.645.875	17.990.872.282	15.359.226.408

2. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Báo cáo tình hình tài chính này được lập bổ sung trên Báo cáo tài chính Quyết toán do đơn vị lập được điều chỉnh theo Quyết toán của Sở tài chính; Quyết toán của Cơ quan Thuế, Báo cáo xác định giá trị đơn vị sự nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 và Quyết định phê duyệt phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp của UBND tỉnh Tuyên Quang.


Trần Thị Thu Lan
Người lập biểu


Trần Thị Thu Lan
Kế toán trưởng



Lê Trung Dũng
Giám đốc
Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2025